

Quảng Bình, ngày 14 tháng 11 năm 2016

KHUYẾN NGHỊ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI DỰ THẢO LUẬT BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG (SỬA ĐỔI)

Kính gửi:

- Ban soạn thảo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (sửa đổi),
- Ủy ban KH-CN&MT của Quốc hội,
- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam,
- Tổng cục Lâm nghiệp – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Thực hiện Chương trình hợp tác giữa Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) và Tổng cục Lâm nghiệp (TCLN) giai đoạn 2016 – 2017, VUSTA giao cho Trung tâm Nghiên cứu Kiến thức Bản địa và Phát triển (CIRD) thực hiện hoạt động thu thập các luận cứ khoa học nhằm góp ý cho việc sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (BV&PTR) năm 2004. Để thực hiện nhiệm vụ này, Trung tâm CIRD phối hợp với Trung tâm Phát triển Nông thôn Miền trung (CRD) và các thành viên Liên minh Đất rừng (FORLAND) tổ chức hội nghị tham vấn khuyến nghị dự thảo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (sửa đổi) vào ngày 7 tháng 11 năm 2016 tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với sự tham dự của đại diện các ban, ngành liên quan trung ương và địa phương, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế.

Hội nghị đã thảo luận các nội dung liên quan đến dự thảo Luật BV&PTR (sửa đổi) hiện đang được đăng trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT). Từ các báo cáo đề dẫn, tham luận và ý kiến phát biểu trực tiếp từ các nhà khoa học, nhà quản lý, đại diện doanh nghiệp và đại diện các tổ chức khoa học công nghệ, Hội nghị đã ghi nhận một số kết quả đạt được và có một số khuyến nghị như sau:

I. NHỮNG ĐIỂM TÍCH CỰC CỦA DỰ THẢO LUẬT BV&PTR (SỬA ĐỔI)

So với Luật BV&PTR 2004, dự thảo luật đã có nhiều điều chỉnh, bổ sung quan trọng, thể hiện sự thay đổi cách nhìn nhận ngành lâm nghiệp không chỉ đơn thuần nhằm bảo vệ môi trường mà là một ngành kinh tế đặc thù. Trong đó, chức năng bảo vệ môi trường cũng đã được kinh tế hóa bằng các khái niệm như dịch vụ môi trường, dịch vụ lưu giữ carbon. Với chức năng là một ngành kinh tế, dự thảo luật đã bao quát xuyên suốt chuỗi giá trị từ khâu trồng rừng cho đến chế biến, tiêu thụ phù hợp với thị trường trong nước và quốc tế. Dự thảo luật cũng đã ghi nhận vai trò của các cộng đồng dân tộc thiểu số và luật tục truyền thống trong sử dụng tài nguyên rừng.

Dự thảo Luật cũng kế thừa những quy định còn phù hợp của Luật BV&PTR năm 2004, bổ sung những quy định mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn; bảo đảm tính liên

tục, tính thống nhất và đồng bộ giữa quy định của Luật BV&PTR với các luật khác có liên quan, hài hòa hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập. Dự thảo Luật đã bổ sung một số nội dung, chương, điều hết sức quan trọng như chế biến và thương mại lâm sản, hợp tác quốc tế, hệ thống quản lý các cơ quan chuyên ngành, đầu tư tài chính dịch vụ công. Một số khái niệm, thuật ngữ được định nghĩa rõ ràng, đầy đủ như cộng đồng dân cư thôn, dịch vụ môi trường rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, quản lý rừng bền vững.

Mặc dù các nội dung được thiết kế, bổ sung quy định toàn diện, đầy đủ, thể hiện sự nỗ lực rất cao của cơ quan soạn thảo Luật, Dự thảo vẫn còn một số điểm cần được thảo luận và điều chỉnh thêm để Luật được ban hành có chất lượng tốt hơn, phản ánh đầy đủ nhu cầu và nguyện vọng của người dân.

II. NHỮNG ĐIỂM CẦN TIẾP TỤC ĐƯỢC SỬA ĐỔI

Dự thảo Luật chưa có giải pháp giải quyết thỏa đáng những khó khăn, bất cập trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật BV&PTR 2004 và Báo cáo thuyết minh xây dựng Luật Lâm nghiệp thay thế Luật BV&PTR 2004. Cụ thể ở một số điểm sau đây:

1) **Phân loại rừng**: Báo cáo thuyết minh cho rằng quản lý theo 3 loại rừng ngày càng bộc lộ hạn chế, bất cập. Phân 3 loại rừng đã buộc phải có 3 loại cơ chế, chính sách khác nhau để quản lý, sử dụng phù hợp với từng loại rừng trong khi bản thân mỗi loại rừng đều có các chức năng phòng hộ, bảo tồn và sản xuất, có mối liên hệ với nhau. Hơn nữa, việc phân 3 loại rừng chưa phù hợp với phân loại rừng của nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên dự thảo Luật vẫn giữ nguyên phân 3 loại rừng như Luật BV&PTR 2004 mà không có bất kỳ một thay đổi hoặc giải pháp để khắc phục những điểm yếu trên đây.

2) **Hình thức quản lý**: Báo cáo thuyết minh nhận định chưa có quy định cụ thể về hệ thống tổ chức sản xuất và dịch vụ lâm nghiệp cấp cơ sở. Các công ty lâm nghiệp của Nhà nước sau sắp xếp vẫn nắm giữ một số lượng lớn diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất. Các công ty lâm nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong quản lý diện tích rừng tự nhiên này. Tuy nhiên dự thảo Luật chưa quy định các hình thức quản lý phù hợp.

3) **Về chuyển mục đích sử dụng rừng**: Điểm yếu được nhắc đến trong Báo cáo là Luật thiếu quy định cụ thể về tiêu chí và điều kiện chuyển đổi rừng tự nhiên sang mục đích sử dụng khác, chưa quy định diện tích tối đa được phép chuyển mục đích và cơ quan có thẩm quyền cho phép; khắc phục hậu quả sau chuyển mục đích sử dụng rừng. Nội dung này vẫn chưa được quy định rõ trong dự thảo Luật.

4) **Về giao rừng, cho thuê rừng**: 1) Khó khăn được đề cập trong các báo cáo là chưa quy định rõ cơ chế phối hợp giữa cơ quan lâm nghiệp và cơ quan tài nguyên môi trường và hỗ trợ kinh phí để thực hiện những quy định trên. Dự thảo Luật chưa làm rõ nội dung này. 2) Đối với khó khăn do công tác quản lý bảo vệ rừng tạo ra được xác định khi giao rừng chỉ xác định diện tích rừng và xác định sơ bộ trạng thái rừng, không lượng hóa về số lượng, chất lượng gỗ, lâm sản trên diện tích khi giao, nên không có căn cứ để xác định giá trị rừng tăng thêm. Dự thảo Luật mới chưa xác định rõ nội dung này.

5) Về quyền và nghĩa vụ của chủ rừng: Các khó khăn được nhận định nhưng chưa có giải pháp giải quyết thỏa đáng trong dự thảo Luật là: 1) chưa quy định rõ về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm quản lý rừng của công ty lâm nghiệp với tư cách là một doanh nghiệp lâm nghiệp, đặc biệt chính sách về rừng tự nhiên là rừng sản xuất được giao cho công ty. 2) Cộng đồng dân cư thôn được giao rừng nhưng không có các quyền như các chủ rừng khác, như quyền cho thuê, thế chấp, góp vốn kinh doanh bằng giá trị quyền sử dụng rừng được giao. 3) Chưa làm rõ quy định chủ rừng là hộ gia đình được chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng lại không được chuyển nhượng rừng tự nhiên là rừng sản xuất trên mảnh đất đó. và 4) Phần rừng tự nhiên gia tăng do hộ gia đình chăm sóc bảo vệ có được thế chấp, bảo lãnh.

6) Về hệ thống tổ chức cơ quan chuyên ngành lâm nghiệp: Khó khăn được nhận định là: 1) Hệ thống chuyên ngành lâm nghiệp thiếu thống nhất, ổn định. 2) Không qui định những nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của kiểm lâm mà trao cho văn bản dưới luật qui định nên thiếu thống nhất trong quy định về nhiệm vụ. Các quy định này trong dự thảo luật mới chưa rõ và vẫn đề nghị giao cho văn bản dưới Luật quy định.

Nếu dự thảo quy định rõ và cụ thể về nghĩa vụ của chủ rừng, có thể quy định về tổ chức lực lượng bảo vệ rừng của chủ rừng để thực hiện nghĩa vụ và tăng tính chủ động trong bảo vệ rừng, do vậy lực lượng kiểm lâm có thể tổ chức lại gọn nhẹ hơn để thực thi chức năng giám sát chủ rừng và xử lý vi phạm của chủ rừng và đối tượng vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng.

7) Về bất cập giữa Luật BV&PTR với Luật Đất đai: Các bất cập được nhận định như không giao đất có rừng tự nhiên cho hộ gia đình, chuyển nhượng quyền sử dụng rừng sản xuất là rừng tự nhiên... Chưa được thay đổi trong dự thảo văn bản Luật mới này.

III. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ XEM XÉT BỔ SUNG VÀO DỰ THẢO LUẬT

3.1. Về cấu trúc dự thảo Luật:

Cấu trúc dự thảo Luật hiện nay đang đi theo hướng chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp, tức là theo logic của ngành sản xuất lâm nghiệp với các nội dung quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, chế biến, hợp tác, đầu tư. Nếu theo cấu trúc này thì nhiều mạch chuyên đề bị chia cắt (như quyền và nghĩa vụ của chủ rừng, tài chính rừng, quy hoạch - kế hoạch liên quan đến rừng ...).

Khuyến nghị: Cân nhắc cấu trúc lại Luật sửa đổi theo hướng mỗi một chương quy định một công cụ quản lý và điều tiết của Luật, theo mối quan hệ giữa rừng với Nhà nước, với các chủ rừng, với cộng đồng và với các công cụ quản lý rừng (pháp luật, quy hoạch, tài chính, hành chính, quản trị) để Luật sửa đổi có sự liên kết chắc chắn giữa các chuyên đề cũng như rõ ràng, mạch lạc hơn. Luật được cấu trúc hợp lý thì tạo điều kiện cho người áp dụng hiểu rõ và chính xác, việc thực thi Luật sẽ tốt hơn.

3.2. Về các nguyên tắc quản trị trong lâm nghiệp:

Các nguyên tắc đảm bảo quản trị tốt đã được thể hiện trong dự thảo. Quản trị là một yếu tố mới trong đổi mới thể chế quản lý hiện nay, bao gồm 3 nguyên tắc chính: i) Công khai, minh bạch thông tin quản lý, ii) Tạo cơ chế để người dân tham gia vào quản lý và giám sát, và iii) Các cơ quan và cán bộ quản lý thực hiện trách nhiệm giải trình.

Dự thảo Luật đã tiếp thu khá tốt nguyên lý quản trị trong quản lý lâm nghiệp, nhưng quy định chưa đảm bảo nhất quán và tính hệ thống. Ví dụ không có điều nào trong dự thảo Luật qui định về sự tham gia của người dân/cộng đồng trong giám sát (dù là trực tiếp hay gián tiếp) trong thực hiện chính sách lâm nghiệp, trong khi đó các luật khác của Việt Nam đều có điều khoản này.

Khuyến nghị: Dự thảo Luật cần đảm bảo các nguyên tắc quản trị, nhất là sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan, tính công khai và minh bạch, chú trọng trách nhiệm giải trình của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan.

3.3. Phân biệt các khái niệm “quyền sử dụng đất” và “quyền sử dụng rừng”.

Dự thảo hiện đang đồng nhất này là không hợp lý hai khái niệm quan trọng là “quyền sử dụng đất” và “quyền sử dụng rừng”. Cần điều chỉnh lại cho phù hợp với bản chất của vấn đề, đó là: Quyền sử dụng đất có bản chất là thay thế quyền sở hữu về đất đai để vận hành đất đai trong cơ chế thị trường khi phải bảo vệ về mặt lý luận rằng chỉ có sở hữu toàn dân về đất đai, không có sở hữu tư nhân về đất đai. Ngược lại, rừng là tài sản gắn liền với đất, quyền sở hữu tư nhân về rừng sản xuất được pháp luật thừa nhận. Nói chung, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng không giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; nhưng rừng thì giao và người được giao có quyền sử dụng và hưởng dụng lâm sản ngoài gỗ. Nguyên tắc ở đâu giao rừng thì ở đó việc phải giao đất không nhất thiết phải tuân thủ, có thể giao rừng nhưng không giao đất. Người dân có quyền trồng rừng hay phát triển rừng trên đất đó và rừng đó thuộc tài sản của người đó.

Khuyến nghị: Dự thảo nên thay khái niệm “sử dụng rừng” thành khái niệm “hưởng dụng rừng” để phân biệt với khái niệm “sử dụng đất”.

3.4. Khái niệm cộng đồng dân cư:

Khái niệm *cộng đồng dân cư thôn* chưa phù hợp với thực tế Việt Nam, chỉ đúng với vùng đồng bằng châu thổ Sông Hồng. Thực tế cuộc sống đã chứng minh rằng cộng đồng là một thực thể liên kết giữa các hộ gia đình với nhau thông qua văn hóa, phong tục tập quán hơn là thông qua địa giới hành chính thôn hay xã. Đây là mối liên kết mở nhưng rất chặt chẽ. Các cộng đồng, nhất là cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS) tuân theo luật tục ràng buộc còn mạnh hơn cả luật pháp.

Khuyến nghị: Nên sử dụng thuật ngữ *cộng đồng dân cư* theo ranh giới văn hóa hơn là ranh giới địa lý. Dự thảo Luật cần mở rộng hơn nữa khái niệm cộng đồng dân cư hướng theo cộng đồng truyền thống như cộng đồng DTTS gắn với luật tục và cộng đồng dòng họ.

3.5. Về quyền của chủ rừng:



Chủ rừng là người tự đầu tư thời gian, lao động và tài chính, như trong dự thảo Luật lần 1 đã qui định. Do đó:

Khuyến nghị 1: Công nhận quyền sở hữu rừng tự nhiên/động thực vật trong rừng tự nhiên được tái tạo, được phát triển bằng vốn của chủ rừng,

Dự thảo Luật sửa đổi mới chỉ công nhận cộng đồng có quyền được hưởng lợi từ rừng cộng đồng được giao.

Khuyến nghị 2: Xem xét chi tiết hơn quyền của cộng đồng dân cư trong nhiều loại rừng khác nhau, ví dụ quyền kinh doanh lâm sản đối với rừng sản xuất, quyền đồng quản lý rừng đối với rừng đặc dụng và phòng hộ.

3.6. Phân biệt rừng là tài sản và rừng là tài nguyên:

Dự thảo Luật sửa đổi cần qui định rõ rừng nào là tài sản hay rừng nào là tài nguyên. Từ những qui định đó, quyền của chủ rừng sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và đúng với thực tế. Cần phải xác định rõ rừng tự nhiên trong bối cảnh hiện nay thì không phải tự nhiên mà có. Nếu không được đầu tư để bảo vệ thì rừng tự nhiên sẽ mất và không thể tự phục hồi. Rừng tự nhiên nếu do chủ rừng tự đầu tư để phát triển thì cần xem đó là tài sản. Có như vậy, chủ rừng mới có động lực để phát triển rừng tự nhiên. Hiện nay, hơn 2 triệu ha rừng tự nhiên nghèo đang được quản lý tạm thời bởi ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã do không có đối tượng nhận rừng mà nguyên nhân chính là quyền lợi không được xác định rõ và đầy đủ. Trong khi đó, Nhà nước không có đủ nguồn lực để bảo vệ tốt những diện tích này. Với việc công nhận quyền sở hữu của chủ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng cho thấy có một sự thay đổi đáng kể về chất lượng, diện tích rừng trồng trên cả nước, tạo nên một ngành kinh tế quan trọng cho nông dân và người nghèo. Bài học này cần được áp dụng với rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Khuyến nghị 1: Rừng tự nhiên nếu do chủ rừng tự đầu tư, khoanh nuôi, bảo vệ, phục hồi thì cần xem đó là tài sản.

Mặt khác, dự thảo Luật sửa đổi cần đề cao tính nhân văn, tính minh bạch. Ngành lâm nghiệp là ngành kinh tế, có tác động trực tiếp đến nhiều hộ gia đình, cộng đồng và quản lý trên một khu vực rộng lớn của đất nước. Ngành lâm nghiệp là ngành lao động cực nhọc, vất vả gắn với khu vực có nhiều người nghèo, người DTTS sinh sống. Tuy nhiên, trong dự thảo không có điều khoản nào đề cập đến vấn đề ưu tiên cho người nghèo, đồng bào DTTS.

Khuyến nghị 2: Bổ sung thêm các điều khoản thể hiện sự quan tâm, ưu tiên đối với các người DTTS. Điều này cũng phù hợp chính sách của Nhà nước được thể hiện cụ thể trong Luật Đất đai 2013.

3.7. Về giao đất giao rừng:

Dự thảo Luật sửa đổi đã qui định việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng phải đúng thẩm quyền và phải thực hiện đồng thời với việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khuyến nghị: Để tránh mâu thuẫn với qui định về chỉ giao đất rừng tự nhiên cho tổ chức, công ty... thì dự thảo Luật có thể qui định: Trong trường hợp rừng sản xuất là rừng tự nhiên giao cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư thì có thể giao rừng không gắn liền với giao đất, hoặc giao rừng mà chưa giao đất.

3.8. Về quản lý nhà nước về lâm nghiệp:

Luật BV&PTR 2004 đã qui định rõ về tổ chức quản lý đối với các loại rừng như đặc dụng (có các BQL rừng đặc dụng như KBTTN, VQG...), rừng phòng hộ (như BQL rừng PH đầu nguồn...) mà dự thảo Luật sửa đổi đã kế thừa. Tuy nhiên, trong dự thảo không đề cập đến qui định về tổ chức quản lý nhà nước đối với loại rừng sản xuất, kể cả rừng tự nhiên và rừng trồng. Các đối tượng rừng này hiện nay đang do các công ty lâm nghiệp hoặc UBND các xã quản lý, nhưng lại không có các qui định cụ thể là phải tổ chức quản lý như thế nào.

Khuyến nghị 1: Bổ sung các qui định cụ thể về tổ chức quản lý với loại rừng sản xuất, kể cả rừng tự nhiên và rừng trồng, ví dụ như đối với rừng sản xuất phải có ban quản lý rừng sản xuất...

Về hệ thống tổ chức quản lý ngành lâm nghiệp: Với tư cách là một ngành kinh tế kỹ thuật, để phát triển bền vững, cần có thể chế về tổ chức quản lý phù hợp với định hướng trong tương lai, vì vậy cần cân nhắc kỹ và quy định vấn đề quan trọng này trong Luật.

Khuyến nghị 2: Về thể chế về tổ chức quản lý phù hợp với định hướng trong tương lai, dự thảo không nên giao cho Chính phủ quy định có thể dẫn đến tùy tiện. Dự thảo có thể đưa ra một số phương án khác nhau để thảo luận và góp ý kiến.

3.9. Về tài chính lâm nghiệp:

Tài chính của ngành lâm nghiệp trong Luật BV&PTR có thể bao gồm: định giá rừng, thuế tài nguyên rừng, và qui định các nguồn tài chính để tạo nguồn lực cho BV&PTR... Tất cả các nội dung này cần được quy định trong cùng một chương hay mục. Trong dự thảo Luật sửa đổi này đã quy định về định giá, đấu giá và xác định giá trị rừng tại các điều 36 - 38 thuộc Chương II về Quản lý rừng; Đầu tư của Nhà nước về rừng tại các điều 113 - 117 và nguồn tài chính trong lâm nghiệp tại các điều 118 - 119 tại Chương VIII về Hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành và các nguồn lực trong lâm nghiệp. Cách quy định như vậy chưa tạo thành công cụ tài chính đầy đủ để quản lý rừng.

Khuyến nghị: 1) Dự thảo Luật sửa đổi cần quy định tập trung về một chương hay một mục các điều liên quan tới hệ thống tài chính của ngành lâm nghiệp nói chung. 2) Luật sửa đổi cần quy định phương pháp luận định giá rừng, các công cụ tài chính sử dụng vào quản lý rừng, các nguồn lực ngoài Nhà nước (như thương mại carbon), các loại nghĩa vụ tài chính khác...

3.10. Một số khái niệm cần bổ sung và làm rõ:

“Thu hồi rừng để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng” là quá chung chung. Dự thảo cần giải thích cho rõ hơn thế nào là vì lợi ích quốc gia, thế nào là vì lợi ích công cộng để làm cơ sở cho việc thu hồi rừng. Trong thời gian gần đây nhiều diện tích rừng bị chuyển đổi mục đích để làm thủy điện, để trồng cây công nghiệp... liệu đây có phải là lợi ích công cộng hay lợi ích quốc gia không, hay chỉ là lợi dụng danh nghĩa đó để phá rừng.

Khuyến nghị 1: Cần cụ thể hóa các trường hợp được gọi là “vì lợi ích quốc gia”, “vì lợi ích công cộng” để tránh lạm dụng.

Khái niệm “khoán” cũng cần được làm rõ đây là mối quan hệ như thế nào giữa chủ rừng và bên nhận khoán. Luật BV&PTR 2004 không có quy định về khoán, nhưng có nhiều Nghị định dưới luật quy định về khoán (01, 135) và hoạt động khoán đã được thực hiện trên phạm vi lớn. Tuy nhiên, hoạt động khoán rừng hay khoán đất trồng rừng đã làm phát sinh nhiều vấn đề trong quản lý bên cạnh những kết quả tích cực.

Khuyến nghị 2: Làm rõ nội hàm của khái niệm “khoán”.

3.11. Về quyền tham gia giám sát của người dân trong dự thảo Luật:

Điều 28 Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền giám sát các chủ trương, chính sách của Nhà nước và Nhà nước phải tạo điều kiện để công dân được giám sát. Nội dung giám sát hiện nay được quy định tại nhiều văn bản luật chuyên ngành khác nhau thông qua giám sát gián tiếp hoặc giám sát trực tiếp. Trong đó, Luật Đất đai 2013 có qui định quyền giám sát trực tiếp của người dân. Do đó, Luật BV&PTR sửa đổi quy định quyền giám sát của người dân là phù hợp với hệ thống pháp luật hiện nay.

Khuyến nghị: Bổ sung quy định về quyền tham gia giám sát của người dân trong dự thảo Luật

IV. MỘT SỐ ĐIỂM KHUYẾN NGHỊ TRỰC TIẾP VÀO DỰ THẢO LUẬT

Điều, khoản cần sửa đổi	Lý do	Góp ý
Điều 3. Giải thích từ ngữ	Chưa có công nhận quyền sở hữu rừng tự nhiên/động thực vật trong rừng tự nhiên được phát triển bằng vốn của chủ rừng. Thiếu công nhận quyền này làm cho chủ rừng tự nhiên thiếu động lực để đầu tư phát triển rừng tự nhiên, chỉ muốn phát triển rừng trồng để có lợi ích được bảo hộ.	Bổ sung quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng tự nhiên là quyền của chủ rừng được chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với động vật, thực vật, tài sản gắn liền với rừng tự nhiên và các dịch vụ liên quan đến rừng do chủ rừng đầu tư trong thời hạn được giao, được thuê để phát triển rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định khác của pháp luật.
Điều 11. Nội dung quy hoạch rừng cấp quốc gia 8. Dự báo hiệu quả của quy	Dự báo kết quả là chưa rõ ràng. Quy hoạch rừng có tác động rất lớn đến xã hội, đặc biệt là các cộng đồng sống phụ	Thay khoản 8 bằng: Đánh giá tác động kinh tế, môi trường, và xã hội của quy hoạch và có các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu

Điều, khoản cần sửa đổi	Lý do	Góp ý
hoạch rừng về kinh tế, xã hội, môi trường.	thuộc vào rừng. Dự báo hiệu quả chưa rõ ràng và có thể bỏ qua những tác động bất lợi đến cộng đồng mà thiếu giải pháp giảm thiểu tác động	cực.
Điều 13. Lấy ý kiến về quy hoạch Lấy ý kiến bằng phương tiện thông tin đại chúng trong 30 ngày	Hình thức lấy ý kiến bằng phương tiện thông tin đại chúng trong 30 ngày không phù hợp với người dân vùng sâu vùng xa, vốn là nhóm chịu ảnh hưởng nhiều nhất và cũng là nhóm có liên quan nhiều nhất đến rừng.	Bổ sung: thực hiện thông qua hình thức tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai thông tin về nội dung của quy hoạch,
Điều 17. Công bố quy hoạch rừng 1. Quy hoạch rừng sau khi được phê duyệt phải được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông.	Trên phương tiện truyền thông là chưa cụ thể, chưa phù hợp với vùng sâu vùng xa	Nên bổ sung: công bố tại trụ sở cơ quan và cổng thông tin điện tử của Bộ NN&PTNT, UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
Điều 19. Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng 1. Việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng phải đúng thẩm quyền và phải thực hiện đồng thời với việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Với những trường hợp không được giao đất như theo quy định của luật đất đai thì với nguyên tắc này sẽ không giao được rừng	Bổ sung: Trong trường hợp rừng sản xuất là rừng tự nhiên giao cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư thì có thể giao rừng không gắn liền với giao đất.
Điều 21. Giao rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân 3. Giao rừng sản xuất b) Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo không thu tiền sử dụng rừng cho các tổ chức kinh tế để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy hoạch đã được phê duyệt.	Với quy định này thì rừng tự nhiên nghèo không được giao cho hộ gia đình. Trong thực tế hầu hết rừng tự nhiên, nhất là khu vực gần dân cư đều là rừng tự nhiên nghèo không giao được cho hộ gia đình. Rừng tự nhiên không nghèo thì ở xa khu dân cư, nằm ngoài khả năng quản lý bảo vệ của người dân.	Không đưa quy định này vào Luật hoặc bổ sung giao rừng tự nhiên nghèo cho hộ gia đình
Điều 26. Thu hồi rừng 1. Nhà nước thu hồi rừng trong những trường hợp sau đây a) Thu hồi rừng vì mục đích quốc phòng, an ninh; b) Thu hồi rừng để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng;	Các mục đích thu hồi này chưa được cụ thể, có thể bị lợi dụng danh nghĩa để thu hồi cho các hoạt động không vì mục đích này	Cần liệt kê những trường hợp nào là vì an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng như tương tự Điều 61, Điều 62 luật đất đai 2013
2. Khi Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần rừng thì chủ rừng được bồi thường thành	Đối với những trường hợp chi phí đầu tư lớn nhưng thành quả có thể tính ra tiền lại thấp	Bổ sung: bồi thường chi phí và thành quả lao động

Điều, khoản cần sửa đổi	Lý do	Góp ý
quả lao động, kết quả đầu tư, tài sản bị thu hồi, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.	thì việc chi bồi thường thành quả là không công bằng, có trường hợp đầu tư nhưng chưa có thành quả	
Điều 30. Khoán quản lý, bảo vệ rừng	Không có quy định cho khoán rừng sản xuất là rừng trồng	Bổ sung quy định cho trường hợp khoán rừng sản xuất là rừng trồng
Điều 71. Phát triển rừng đặc dụng Điều 72. Phát triển rừng phòng hộ	Chưa có các quy định liên quan đến người dân sinh sống trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	Bổ sung các quy định liên quan đến người dân sống trong rừng
Điều 81. Quản lý, sử dụng rừng sản xuất và đất đai xen kẽ trong rừng phòng hộ 4. Nhà nước có trách nhiệm giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp về quyền quản lý, sử dụng đối với rừng sản xuất và đất xen kẽ giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn với các ban quản lý rừng.	Chưa có phòng ngừa, giảm thiểu mâu thuẫn, tranh chấp	Nhà nước có trách nhiệm ngăn ngừa, giải quyết ,...

Trên đây là một số khuyến nghị trên cơ sở tổng kết các bài tham luận, các báo cáo nghiên cứu và ý kiến trực tiếp tại Hội nghị tham vấn dự thảo Luật BV&PTR (sửa đổi) vào ngày 7 tháng 11 năm 2016 tại Thành phố Vinh do Liên minh đất rừng (FORLAND) cùng các đơn vị liên quan thực hiện. Chúng tôi hy vọng những ý kiến này sẽ góp phần làm rõ hơn những vấn đề còn tồn tại trong dự thảo Luật BV&PTR sửa đổi (bản mới nhất đăng trên website của Bộ NN&PTNT). Kính đề nghị cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan nghiên cứu tiếp thu.

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Hồng
Giám đốc tổ chức điều phối Liên minh đất rừng